

Bản án số: 105/2021/ HNGĐ-ST
Ngày 04 - 10 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng.

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phước.
2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 161/ 2021/ TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, về việc “ Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 124C/9, ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 124C/9, ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Hồ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết chị và anh M tiến đến hôn nhân vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh L. Năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh M không lo gì cho vợ con, tiền ai người đó tự tiêu xài, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình cho chị lo, tuy sống

chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Năm 2019 anh M bắt đầu ghen tuông vô cớ, do không thể tiếp tục chung sống nên tháng 7/2020 chị làm đơn yêu cầu ly hôn, trong quá trình giải quyết anh M hứa sửa đổi, thay đổi tính tình, nên chị rút đơn khởi kiện về đoàn tụ gia đình. Sau khi đoàn tụ anh M vẫn tiếp tục theo dõi, kiểm chuyện chửi bới, xúc phạm danh dự uy tín của chị. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng. Chị yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hồ Hữu V, sinh năm: 1992, đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:* Anh và chị T tiến đến hôn nhân vào năm 1989. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2019 vợ chồng cãi vã nên vợ anh nói mạnh ai người đó sống, tiền của người nào người đó tự tiêu xài, nên từ đó anh không đưa tiền cho vợ. Tháng 7/2020 chị T làm đơn ly hôn, nhưng sau đó chị T rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, anh có hứa mỗi tháng đưa cho chị T 3.000.000 đồng để lo sinh hoạt trong gia đình, tháng đầu tiên anh đưa tiền cho chị, nhưng chị không lấy nên từ đó về sau anh không đưa mà tiền của ai người đó xài, mặc dù sống chung nhà nhưng không ai nói chuyện đến ai, anh chị không còn quan tâm đến nhau. Lý do anh ghen là do chị T thường hay đi làm chung với đồng nghiệp nam, có khi đi đến 10 giờ tối mới về, khi anh hỏi thì xảy ra cự cãi. Theo yêu cầu của chị T anh không đồng ý vì con anh chuẩn bị lập gia đình, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hồ Hữu V, sinh năm: 1992, đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết số 76 vào ngày 29/11/2017. Do đó hôn nhân của chị T và anh M là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T và anh M thừa nhận khoảng năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên tháng 7/2020 chị T đã khởi kiện yêu cầu ly hôn, nhưng vì lo cho con nên anh chị về đoàn tụ. Sau khi về đoàn tụ anh chị cũng không thể giải quyết được mâu thuẫn của vợ chồng, mặc dù sống chung nhà nhưng anh chị không quan tâm đến nhau.

Xét thấy hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng phải trên cơ sở bình đẳng, phải biết bảo vệ anh dự, uy tín cho nhau. Nhưng

Hôn nhân của chị T và anh M có những bất đồng, anh chị không có biện pháp khắc phục, khi mâu thuẫn ngày càng nhiều anh chị bỏ mặc bằng cách không còn quan tâm và chăm sóc cho nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị cũng đã cho nhau thời gian để khắc phục xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng anh chị không làm được. Tại phiên tòa chị T và anh M thừa nhận anh chị sống với nhau nhưng không hạnh phúc. Do đó việc chị T yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.
2. Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Buộc nguyên đơn nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0006639 ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.
5. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã H-LH-VL;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án. /.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng